

Số: 148/2023/QĐST-HNGĐ

L, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông N K L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện T, thành phố N.

- **Bị đơn:** Bà P T X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu V, xã L, huyện L, tỉnh T.

- *Người đại diện theo pháp luật của bà Xuyên:* Ông N V T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu V, xã L, huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 14; Khoản 5 điều 15; khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông N K L và bà P T X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Hai bên đều xác định con chung của vợ chồng là N T T Linh, sinh ngày 22/6/1984, đã trưởng thành và lao động tự túc và đã có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ chung, công nợ riêng và công sức:* Hai bên đều trình bày không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

- *Về hỗ trợ tiền sau khi ly hôn:* Hai bên thoả thuận ông N K L có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà P T X số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Xác nhận bà X đã nhận đủ số tiền trên vào ngày 05/12/2023.

- *Về án phí:* Do ông N K L và bà P T X đều là người cao tuổi và đều có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông L, bà X.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- UBND xã N,
Huyện T, TP N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo